UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 239 /QĐ-UBND	*Kbang, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán chi Sự nghiệp kinh tế năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VII kỳ họp thứ hai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn huyện Kbang;

Căn cứ Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 25/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Kbang khóa VII kỳ họp thứ tư Về việc phê chuẩn Dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – KH huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi Sự nghiệp kinh tế năm 2018 cho các cơ quan, đơn vị: 28.125.200.000đ *(Hai mươi tám tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng).*

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước, các văn bản của Trung ương, địa phương quy định về tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước năm 2018; bố trí, sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm *(kể cả các nhiệm vụ phát sinh đột xuất),* đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính – KH, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng cơ quan được giao chỉ tiêu kinh phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Sở Tài chính (b/c); - Huyện ủy (b/c); - HĐND huyện (b/c); - Ban KT-XH HĐND huyện; - Lưu VT-VP-TH.	**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN** **CHỦ TỊCH** **Võ Văn Phán**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1189 /QĐ-UBND ngày 19 /12/2017 của UBND huyện Kbang)

Đvt: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2018	Trong đó: Kinh phí CCTL	GHI CHÚ
A	**SỰ NGHIỆP KINH TẾ**	**22.211.200.000**	**32.452.000**	
I	**SỰ NGHIỆP NÔNG NGHIỆP**	**2.773.951.000**	**26.235.000**	
1	**Trạm Khuyến nông**	**478.951.000**	**26.235.000**	
-	Kinh phí giao tự chủ theo NĐ141/2016/NĐ-CP (Quỹ lương và chi thường xuyên)	478.951.000	26.235.000	
2	**Hỗ trợ: tiêm phòng gia súc; thực hiện mô hình cánh đồng lớn, tái canh cà phê, các mô hình sản xuất, trồng cây giổi, cây Quế, cây mắc ca, … cho đồng bào Banar**	**2.295.000.000**		Phân khai từng mô hình theo dự toán được duyệt
II	**SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG**	**4.000.000.000**		
1	**Phòng Kinh tế - Hạ tầng**	**4.000.000.000**		
-	Nạo vét cống rãnh thoát nước, phát quang hành lâng tuyến đường huyện quản lý	500.000.000		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
-	Duy tu sửa chữa các tuyến đường giao thông do huyện quản lý (kể cả hỗ trợ làm đường, cống kỹ thuật ra khu sản xuất tập trang các xã)	3.500.000.000		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
III	**SỰ NGHIỆP THỦY LỢI**	**5.476.000.000**		
1	**Trạm quản lý Thủy nông**	**2.039.000.000**		
-	Miễn thủy lợi phí	2.039.000.000		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
2	**BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Kbang**	**1.857.000.000**		
-	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	1.857.000.000		
+	Công trình Thủy lợi làng Kon Bông 1, xã Đăk rong	1.400.000.000		
+	Công trình thủy lợi Đăk Pne, Kon Pne	457.000.000		
3	**Phòng Nông nghiệp và PTNT**	**1.580.000.000**		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
IV	**SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH**	**4.019.200.000**		
1	**Phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**2.719.200.000**		-
-	Điện chiếu sáng công cộng + sửa chữa (công viên, các tuyến đường, quảng trường)	1.100.000.000		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
-	Nạo vét cống rãnh các tuyến đường nội thị trấn	250.000.000		
-	Trồng cây xanh các tuyến đường nội thị trấn	550.000.000		
-	Chi tổ quản lý chăm sóc cây xanh các tuyến đường, quảng trường, quản lý điện chiếu sáng	619.200.000		
-	Lập quy chế quản lý đô thị thị trấn Kbang	200.000.000		
2	**Làm mương thoát nước sửa chữa các tuyến đường thị trấn**	**1.000.000.000**		**Phân khai đặt hàng sửa chữa khi phát sinh**
3	**Lắp đặt bổ sung điện chiếu sáng công cộng**	**300.000.000**		
V	**ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ**	**2.109.806.000**	**6.217.000**	-
1	**Phòng Dân tộc**	**109.806.000**	**6.217.000**	-
-	Chi con người	109.806.000	6.217.000	
2	**UBND xã Đăk rong**	**2.000.000.000**		
-	Chỉnh trang làng Konlốc 2 xã Đăk rong	2.000.000.000		
VI	**QUY HOẠCH**	**2.359.000.000**		
1	**Phòng Kinh tế - Hạ tầng**	**1.859.000.000**		

STT	NỘI DUNG	Dự toán giao năm 2018	Trong đó: Kinh phí CCTL	GHI CHÚ
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn theo NQ của HĐND huyện	1.000.000.000		Phân khai danh mục cụ thể theo dự toán phê duyệt
-	Điều chỉnh Quy hoạch theo Quyết định 642/QĐ-UBND tỉnh	859.000.000		
2	**Phòng Tài nguyên và MT**	**500.000.000**		
-	Đo đạc đất chưa sử dụng, chưa cho thuê, chưa cho mượn tại các xã thị trấn (tính 50% giá nhà nước quy định)	500.000.000		
VII	**SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC**	**1.473.243.000**		
1	**Phòng Nông nghiệp và PTNT**	**593.243.000**		
-	Nước sinh hoạt nông thôn	593.243.000		Phân khai từng nhiệm vụ chi theo thực tế phát sinh
2	**Ngân hàng chính sách huyện Kbang**	**400.000.000**		Giao phòng Tài chính - KH ký hợp đồng ủy thác cho vay với Ngân hàng chính sách
-	Ủy thác cho vay ngân hàng chính sách theo Quyết định 28	400.000.000		
3	**Hội nông dân**	**200.000.000**		Hội nông dân xây dựng phương án cho vay trình huyện phê duyệt.
-	Cho nông dân vay theo NĐ61/NĐ-CP	200.000.000		
4	**Phòng Kinh tế - Hạ tầng**	**200.000.000**		-
-	Xây dựng thương hiệu cây mắc ca, sản phẩm nông nghiệp + khuyến công xúc tiến thương mại	100.000.000		
-	Hoạt động ban an toàn giao thông huyện	100.000.000		
5	**Phòng Tài nguyên và MT**	**30.000.000**		
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019	30.000.000		
6	**Phòng Tài chính - KH**	**50.000.000**		
-	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp 02 lần trong năm	50.000.000		
B	**CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ**	**5.000.000.000**		
I	**BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Kbang**	**5.000.000.000**		
1	Đường Ngô Mây (đoạn Hai Bà Trưng- Lê Văn Tám)	2.848.000.000		
2	Vỉa hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn Quảng trường Trung tâm huyện)	130.000.000		
3	Vỉa hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn Ngô Mây-Nguyễn Du và Võ Thị Sáu - BQL Hạ tầng GTĐT)	550.000.000		
4	Vỉa hè đường Lê Văn Tám (đường Lê Lợi - Quang Trung)	250.000.000		
5	Vỉa hè đường Quang Trung (đoạn Quảng trường Trung tâm huyện)	330.000.000		
6	Vỉa hè, mương thoát nước đường Lê Văn Tám (đoạn Bùi Thị Xuân- cầu Đăk Y jao)	392.000.000		
7	Hệ thống cấp nước đường Trần Hưng Đạo	500.000.000		
C	**CHI TỪ NGUỒN THUÊ ĐẤT, MẶT NƯỚC**	**8.000.000**		
D	**CHI TỪ NGUỒN KẾT DƯ NĂM 2016 CHUYỂN SANG**	**906.000.000**		
1	**Phòng Kinh tế và Hạ tầng**	**906.000.000**		
-	Đường vào khu sản xuất tập trung làng Tung, làng Gút	906.000.000		
	TỔNG CỘNG	**28.125.200.000**	**32.452.000**	

-

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn./.